

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHIÊM HÓA  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HS-ST  
Ngày 07/12/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hg Mạnh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hg Văn Tấn, bà Tường Thị Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Chung Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hg Duy Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HS ngày 17/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/HSST-QĐ ngày 29/11/2022 đối với bị cáo:

**Nông Văn K;** sinh ngày 14/5/2003; tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Thôn Phia L, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; bố đẻ: Nông Văn B, sinh năm 1975; mẹ đẻ: Ma Thị M, sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

\* Bị hại: Anh Quân Anh V, sinh ngày 30/5/2007. Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Quân Văn T (bố đẻ anh V); cùng địa chỉ: Thôn Thôm B, xã Tân M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Quan Thị T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn Thôm B, xã Tân M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thái N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Phố 5, phường Đông C, thành phố TH H, tỉnh TH Hóa. Vắng mặt.

- Anh Lê Mạnh Đ, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số nhà 114 Định H, phường Đông C, thành phố TH H, tỉnh TH Hóa. Vắng mặt.

- Chị Vi Thị T, sinh ngày 05/01/2004;

Địa chỉ: Thôn Đồng T, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Chị Nông Thị H, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Làng C, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Chị Nông Thị H, sinh ngày 27/8/2005. Người đại diện hợp pháp: Ông Nông Văn T; cùng địa chỉ: Thôn Phia L, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Anh Nông Càn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Bản B, xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/3/2022, qua mạng xã hội Facebook, Nông Văn K biết Quân Anh V đang có nhu cầu mua điện thoại di động, nên K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. K sử dụng tài khoản Facebook có tên “Cậu Út Nhỏ” nhắn tin qua ứng dụng messenger với tài khoản Facebook “V Khảnh” của V và nói dối tên là T hiện đang là nhân viên sửa chữa điện thoại tại thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang (thực tế thời điểm này K đang làm công nhân tại thành phố TH Hóa, tỉnh TH Hóa). Thấy K giới thiệu như vậy, V tin tưởng nên đã đặt mua 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, đã qua sử dụng với giá 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*) với K.

Khoảng 01 giờ ngày 24/3/2022, K nhắn tin yêu cầu V chuyển số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) đến số tài khoản “00976005524”, mang tên Nguyễn Thái N (K nhờ N nhận tiền hộ, N không biết về nguồn gốc tiền của K) để đặt cọc tiền mua điện thoại di động, V đồng ý và sử dụng tài khoản ngân hàng “107868101573” của Quan Thị T (là mẹ đẻ của V) chuyển tiền theo yêu cầu của K. Sau đó, K nhắn tin nói dối V phải chuyển tiền cho sếp để làm tin và yêu cầu V chuyển tiếp số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) đến số tài khoản “00976005524” mang tên Nguyễn Thái N; chuyển 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đến số tài khoản “796789688888” của Lê Mạnh Đ, V đồng ý và chuyển tiền từ tài khoản của mẹ đẻ theo yêu cầu của K. Thấy V tin tưởng nên K tiếp tục nói dối và yêu cầu V chuyển tiền để làm hồ sơ vay tiền vì sếp không trả lại tiền cho K, rồi K sẽ gửi điện thoại đồng thời H trả toàn bộ số tiền đã đặt cọc cho V, V đồng ý chuyển số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) đến số tài khoản “102873699943” của Nông Thị H; chuyển số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) đến số tài khoản “0392102128” của Vi Thị T; chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đến số tài khoản “103551949999” của Nông Càn T (K nhờ Đ, H, T, T nhận tiền hộ; Đ, H, T, T

không biết nguồn gốc tiền của K). Khi nhận được tổng số tiền 7.150.000 đồng (*Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) từ V, K đã chặn liên lạc với V và sử dụng số tiền chiếm đoạt được để chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 31/3/2022, V không nhận được điện thoại di động cùng số tiền đã đặt cọc nên đã đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc và đề nghị giải quyết.

Bản cáo trạng số 89/CT-VKSCH ngày 03/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố bị cáo Nông Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nông Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 174; đoạn 1 điểm i khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;
- Xử phạt bị cáo Nông Văn K từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357, 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh Quân Anh V số tiền 7.150.000 đồng.

- Áp dụng các Điều 136, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nhất trí trả cho anh Quân Anh V số tiền 7.150.000 đồng. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực

hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn K thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 24/3/2022, bị cáo Nông Văn K thông qua mạng xã hội Facebook đã có hành vi lừa đảo bán điện thoại di động để chiếm đoạt số tiền 7.150.000đ (*Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) của anh Quân Anh V.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, dùng thủ đoạn gian dối lừa lấy tiền của bị hại chỉ tiêu cá nhân, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Hội đồng xét xử thấy mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại đoạn 1 điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Quân Anh V và ông Quân Văn T là người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Nông Văn K bồi thường số tiền 7.150.000 đồng. Bị hại V và ông T, bà Quan Thị T (mẹ bị hại V) vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V, ông T, bà T yêu cầu bị cáo

bồi thường đủ số tiền đã chiếm đoạt của anh V là 7.150.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh V. Do vậy buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền 7.150.000 đồng.

[6] Đối với Nguyễn Thái N, Lê Mạnh Đ, Vi Thị T, Nông Thị H, Nông Càn T là những người có các tài khoản ngân hàng được K nhờ nhận tiền chuyển đến, nhưng đều không biết nguồn gốc tiền do phạm tội mà có, không có ý kiến yêu cầu gì, nên không xem xét giải quyết.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[8] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 174; đoạn 1 điểm i khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự

- Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Nông Văn K 10 (Mười) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2022.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357, 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn K có nghĩa vụ bồi thường cho anh Quân Anh V (người đại diện hợp pháp của anh V là ông Quân Văn T) số tiền là 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp luật có quy định khác.*

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Bị cáo Nông Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 357.500đ (Ba trăm năm bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa ;
- Công an huyện Chiêm Hóa;
- CCTHADS huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- Nhà tạm giữ Công an H.Chiêm Hóa;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Mạnh Tuấn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Văn Tấn**

**Tưởng Thị Thu**

**Hoàng Mạnh Tuấn**

